

Số: 870/QĐ-ĐHCT

Cần thơ, ngày 20 tháng 04 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy định thu phí sử dụng các hội trường
tại Trường Đại học Cần Thơ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

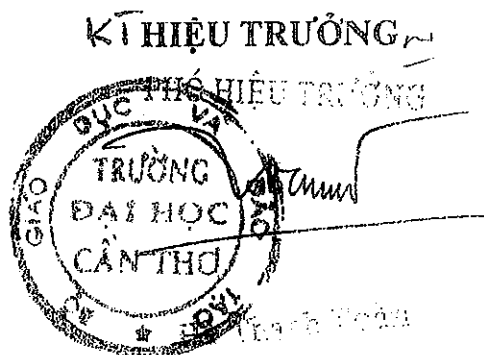
- Căn cứ Chương VIII, Điều 36 về Quyền hạn, trách nhiệm của Hiệu trưởng tại “Điều lệ trường đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ vào Điều 32 và 33 “Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước” số 09/2008/QH12 ban hành ngày 3 tháng 6 năm 2008.
- Xét đề nghị của ông Quyền Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1. Ban hành “Quy định thu phí sử dụng các hội trường tại trường Đại học Cần Thơ” kèm theo Quyết định này.
- Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các văn bản trước đây trái với Quy định này đều được hủy bỏ.
- Điều 3. Các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu KHTH, TTDVTH



QUI ĐỊNH

V/v thu phí sử dụng các hội trường tại Trường Đại Học Cần Thơ
(Đính kèm Quyết định số: 101/QĐ-ĐHCT ngày 20. tháng 4. năm 2011)

I. Định mức thu các loại phòng: đã bao gồm thuế VAT.

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên hội trường/phòng	Sức chứa (người)	Mức thu	
			Ngày	Buổi
1	Hội trường lớn khu 2	1.400		
	- Không hệ thống ánh sáng sân khấu: - Ban ngày			5.000.000
	- Ban đêm			5.500.000
	- Có hệ thống ánh sáng sân khấu: - Ban ngày			6.000.000
	- Ban đêm			6.500.000
2	Phòng họp K. Nông nghiệp	40	1.500.000	800.000
3	Phòng họp khoa Thủy sản	40	1.500.000	800.000
4	Hội Trường Khoa KHTN	50	1.600.000	900.000
5	HT Viện NCPT- ĐBSCL	60 - 80	2.000.000	1.100.000
6	Hội trường K. Nông nghiệp	90	2.500.000	1.500.000
7	Hội trường khoa Công nghệ	100	2.500.000	1.500.000
8	Hội trường K. Thủy sản	80	2.000.000	1.100.000
9	Hội trường K. CNTT&TT	100	2.500.000	1.500.000
10	Hội trường 2 khu Hiệu bộ	160 - 180	4.000.000	2.300.000
11	Hội trường Ký túc xá (quạt)	200	1.000.000	600.000
12	Hội trường K.Sư phạm, Giảng đường 106, 107 /C1 (quạt)	300	1.500.000	800.000
13	Phòng học loại nhỏ (quạt)	30 - 50	250.000	150.000
14	Phòng học khá lớn (quạt)	60-100	500.000	300.000
15	Phòng học lớn (quạt)	Trên 100	600.000	350.000
16	Các hội trường của TTHL	Nhiều loại Phòng	Theo qui định riêng	Theo qui định riêng

- Giá thuê hội trường, phòng họp đã bao gồm các thiết bị như hệ thống ampli, micro. Ngoài ra các cá nhân, đơn vị đến thuê có nhu cầu thêm thiết bị như:

- + Projector và máy vi tính xách tay: 600.000 đ/bộ/buổi.
- + Máy tính vào internet: 3.000 đ/giờ
- + Loại hình khác: tùy từng đơn vị quản lý sẽ nêu định mức thu riêng.

- Các nơi khác còn lại của Nhà trường (chưa nêu ở bảng trên), khi có nhu cầu phát sinh cũng phải thực hiện theo qui định này. Mức giá được tính trên cơ sở các thiết bị có giá trị tương đương.

- Ngoài ra, những phát sinh ngoài qui định này hai bên thương lượng trao đổi và thống nhất trước khi tiến hành hợp đồng.

II. Mức ưu tiên được miễn, giảm theo tỷ lệ phần trăm (%).

1. Đối tượng được xét miễn, giảm:

- Hoạt động của ngành giáo dục
- Hội thi – Hội diễn của thiếu nhi (kinh phí tài trợ, viện trợ).
- Các hoạt động mang tính từ thiện thuần túy.

2. Mức miễn, giảm:

- Miễn, giảm theo đề nghị của đối tác được Ban Giám hiệu chấp thuận. Mức giảm tối đa vượt không quá 50% mức thu ở mục I. Chỉ miễn đối với các trường hợp đặc biệt

III. Phân công thực hiện:

Đơn vị quản lý hội trường hoặc phòng (Đơn vị quản lý), Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp và bên đối tác có nhu cầu sử dụng hội trường cần phải tuân thủ các quy định sau đây:

1- Đơn vị quản lý :

- Tiếp nhận đề nghị của bên đối tác;
- Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp soạn thảo, quản lý thực hiện hợp đồng
- Giao, nhận cơ sở, thiết bị cho bên thuê trước và sau khi sử dụng có biên bản.

Trong quá trình sử dụng nếu có hư hỏng, mất mát ngoài khả năng giải quyết của hai bên, phải chuyển hồ sơ lên Phòng QTTB, trình BGH .

- Cử nhân viên quản lý cơ sở, thiết bị, hỗ trợ cho bên đối tác theo quy định của hợp đồng.

2- Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp:

- Phối hợp với đơn vị quản lý soạn thảo, theo dõi thực hiện và thanh lý hợp đồng.
- Trình Ban Giám hiệu ký kết hợp đồng,
- Lập các hồ sơ thủ tục về tài chính với đối tác.
- Phân phối kết quả tài chính theo mục IV của quy định này.

3- Đối tác:

- Thực hiện đúng các quy định về quản lý, sử dụng tài sản ghi trong hợp đồng, chấp hành các quy định khác của nhà Trường.

- Thực hiện đúng các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác có liên quan với Trường.

IV. Phân phối kết quả.

Căn cứ vào giá trị hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng, TTDVTH sẽ phân phối cho đơn vị có tham gia lao động, trực tiếp quản lý, điều hành việc thực hiện hợp đồng với mức khoán chi được quy định theo bảng dưới đây: (sau khi làm nghĩa vụ nộp thuế).

Loại hội trường	Nộp trường	Đơn vị	TTDVTH
Hội trường lớn Khu II	55%	40%	5%
Hội trường 2 khu hiệu bộ	55%	40%	5%
Các loại phòng khác	57%	40%	3%

Các đơn vị tiếp nhận phân phối này, phải tiến hành thực hiện các quy định sau đây:

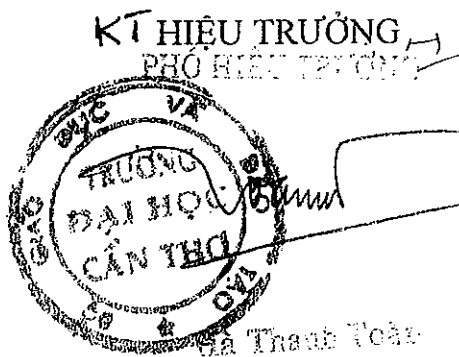
- Nộp trường: TTDVTH hạch toán vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trường

- Đơn vị: Đơn vị quản lý thiết bị nhận tiền từ TTDVTH để thực hiện việc khoán chi trả cho các nội dung: Tiền công trực tiếp phục vụ, tiền công quản lý điều hành và các khoản chi trực tiếp khác có liên quan.

- TTDVTH: Nhận tiền khoán chi này để trả tiền công quản lý, điều hành hợp đồng phần đơn vị đảm trách.

V- Tổ chức thực hiện:

- Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây có liên quan được hủy bỏ và không còn hiệu lực thi hành.



Số: 879../QĐ-ĐHCT

Cần thơ, ngày 18.. tháng 07.. năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

V/v sửa đổi, bổ sung mục IV. Phân phối kết quả của Qui định thu phí sử dụng các hội trường tại Trường Đại học Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 870/QĐ-ĐHCT ngày 20/04/2011 của Trường Đại học Cần Thơ.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Điều 36, Chương VIII tại “Điều lệ trường đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Quyền hạn, trách nhiệm của Hiệu trưởng trường Đại học;

- Căn cứ Thông tư 245/2009/TT- BTC ngày 31/12/2009 về việc Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 3/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-ĐHCT ngày 20/04/2011 của Trường Đại học Cần Thơ về việc Ban hành Qui định thu phí sử dụng các hội trường tại Trường Đại học Cần Thơ;

- Xét đề nghị của ông Quyền Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

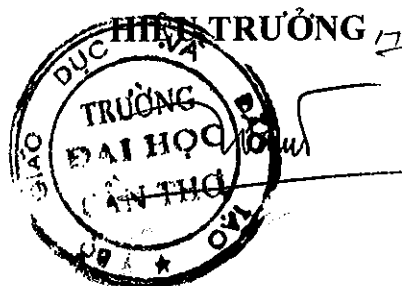
Điều 1. Sửa đổi, bổ sung mục IV. Phân phối kết quả của Qui định thu phí sử dụng các hội trường tại Trường Đại học Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 870/QĐ-ĐHCT ngày 20/04/2011 của Trường Đại học Cần Thơ (đính kèm Quy định sửa đổi, bổ sung).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các nội dung khác vẫn giữ nguyên giá trị thực hiện.

Điều 3. Các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu KHTH, TTDVTH.



Hà Thanh Toàn

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỤC IV. PHÂN PHỐI KẾT QUẢ
CỦA QUI ĐỊNH THU PHÍ SỬ DỤNG CÁC HỘI TRƯỞNG
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

(Đính kèm Quyết định số: 874/QĐ-ĐHCT ngày 18.. tháng 07.. năm 2012)

Hủy bỏ mục IV. *Phân phối kết quả* của Qui định thu phí sử dụng các hội trường tại trường Đại học Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 870/QĐ-ĐHCT ngày 20/04/2011 của Trường Đại học Cần Thơ, thay bằng mục IV. *Định mức chi và phân phối kết quả*:

VI. Định mức chi và phân phối kết quả

Dựa trên doanh thu của hợp đồng hoặc doanh thu đã được miễn giảm được Ban Giám hiệu phê duyệt. Kế toán thực hiện chi phí và phân phối như sau:

1. Chi phí thực hiện hợp đồng:

- Chi khấu hao tài sản cố định nộp trường: 30% doanh thu.
- Chi khoán tiền điện nước nộp trường: 10% doanh thu.
- Chi trả công trực tiếp điều hành theo đơn mức giá của đơn vị hạch toán kế toán, tổng chi phí tiền công trực tiếp và chi khác không quá 17% doanh thu.
- Chi trả phí quản lý cấp trường 1% doanh thu và phí quản lý đơn vị kế toán 2% doanh thu.

- Chi nộp thuế theo quy định.

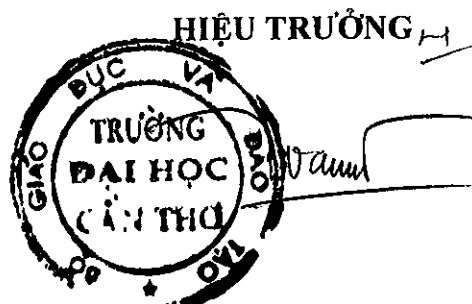
2. Phân phối chênh lệch thu, chi:

Phần chênh lệch giữa doanh thu so với chi phí được phân phối như sau:

- Nộp phúc lợi cấp trên: 40%
- Đơn vị quản lý cơ sở: 60%.

Các nội dung khác của Qui định vẫn giữ nguyên giá trị thực hiện.

Qui định có hiệu lực từ ngày ký.



Hà Thanh Toàn